

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 36

Phẩm 4: NÓI VỀ NGHIỆP (PHẦN 4)

Đã nói về môn nghiệp, lược có hai thứ: Nghĩa là sự khác nhau giữa tư và tư dĩ nghiệp.

Lại có ba thứ. Nghĩa là sự khác nhau của nghiệp thân, ngữ, ý.

Lại có năm thứ. Nghĩa là hai thân, ngữ đều biểu, vô biểu và một nghiệp tư duy khác nhau.

Tánh của năm nghiệp như thế và giới, địa được kiến lập ra sao? Tụng nói:

*Vô biểu: ký. Còn: ba
Bất thiện chỉ ở Dục Vô
biểu khắp Dục, Sắc
Biểu chỉ hai có tứ
Dục không biểu, hữu phú
Do không có đẳng khởi.*

Luận nói: Vô biểu chỉ chung với tánh thiện, bất thiện, không có vô ký. Vì sao? Vì cùng khởi tâm sở của sức mạnh, tâm vô ký yếu kém, không có công năng làm nhân đẳng khởi dẫn nghiệp của sức mạnh, khiến cho ở trong vị tâm khác sau và lúc vô tâm, cũng thường nối nhau khởi.

Nói khác đi: Nghĩa là ba loại: Hai biểu và tư đều có cả thiện, bất thiện, vô ký, ở trong đó, bất thiện ở cõi Dục, không phải ở cõi khác và có căn bất thiện không hổ, không thẹn. Thiện và vô ký, tùy theo vào chúng thích hợp, ba cõi đều có, không ngăn dứt riêng. Hai cõi Dục, Sắc đều có vô biểu, quyết định không ở cõi Vô sắc, vì trong cõi Vô sắc, có tướng chế phục sắc, nên chán trái với sắc, nhập định Vô sắc. Vì thế, trong định kia không thể sinh sắc. Hoặc tùy theo xứ nào, có chuyển biến thân, ngữ thì chỉ ở xứ ấy có luật nghi thân, ngữ.

Có thuyết nói: Do cõi Vô sắc không có đại chủng, nên không có vô biểu sắc, luận kia chỉ có thể ngăn dứt vô biểu hữu lậu, còn vô biểu vô lậu, không có lý có thể ngăn dứt, nghĩa là trong cõi Vô sắc, không có đại chủng nên rơi vào luật nghi hữu lậu của địa hệ cõi nhất định không có chấp nhận là đại chủng đã tạo của địa cõi riêng. Cõi Vô sắc không có luật nghi vô lậu.

Đã thừa nhận được làm đại chủng đã tạo của cõi riêng, địa riêng.

Cõi Vô sắc có lý gì có thể ngăn dứt? Thế nên, ở trước nói, về lý, không có lỗi.

Sư Tỳ-bà-sa nói như thế này: Vì trị giới ác, nên khởi Thi-la, chỉ trong cõi Dục, có các giới ác. Vô sắc đối với cõi Dục có đủ bốn thứ xa:

1. Chỗ nương tựa xa.
2. Hành tướng xa.
3. Chỗ duyên xa.
4. Đối trị xa.

Đối tượng nương dựa xa: Nghĩa là ở trong vị nhập xuất của Đẳng chí. Đẳng Vô gián duyên là chỗ dựa của thể, vì không chấp nhận có.

Hành tướng xa: Nghĩa là tâm ở cõi Vô sắc hoàn thành rồi không có công năng đối với pháp cõi Dục tạo các hành tướng khổ, thô v.v...

Về nghĩa sở duyên xa, so sánh với hành tướng xa này nên biết. Do tâm Vô sắc chỉ có thể dùng pháp hữu lậu của tĩnh lự thứ tư ở dưới, làm hành tướng ở sở duyên của khổ thô v.v...

Đối trị xa: Nghĩa là nếu khi chưa lìa tham cõi Dục, thì nhất định không chấp nhận khởi định Vô sắc, nó có thể làm hai đối trị: Đoạn và nhằm chán hủy hoại các pháp giới ác v.v... của cõi Dục, chẳng phải không thể duyên mà có thể có khả năng nhằm chán, hủy hoại, nên cõi Vô sắc không có vô biểu sắc. Biểu sắc chỉ ở hai địa có từ. Nghĩa là thông cả trong Sơ tĩnh lự và cõi Dục, không phải trong địa trên có thể nói hữu biểu.

Nói có từ: Nghĩa là biểu thị tất cả nghiệp hữu biểu khắp trong sơ tĩnh lự. Nếu ở địa trên, thì nghiệp biểu hoàn toàn không có. Ngũ biểu đã không có, thì đâu có xứ tiếng, có đại chủng ngoài làm nhân phát tiếng, vì không ngăn dứt tiếng ngoài, nên không có lỗi.

Có sư khác nói: Ba tĩnh lự trên cũng có nghiệp biểu vô phú vô ký, về lý, tất nhiên là như vậy.

Trong ba địa trên, khởi thân ba thức, đã không có mất, sao không khởi phát tâm của biểu nghiệp? Nhưng trong tâm thiện, nhiễm, không khởi thiện hạ hạ, nên dứt trừ. Do đó sinh lên cõi trên không có biểu

thiện, nhiệm.

Thuyết trước là tốt. Vì sao? Vì dù nhiệm kia hiện tiền, nhưng không lệ thuộc nhiệm kia, nên biểu hữu vô ký, ở định cõi Dục không có, chỉ có thể được nói có trong sơ tính lự.

Nghe Đại Phạm có lời nói lừa dối, trong chúng mình vì tránh sự gạn hỏi của Mã Thắng, nên giả vờ tự vui vẻ v.v...

Lại, vì sao hai định trở lên, đều là nghiệp vô biểu?

Trong cõi Dục, không có nghiệp biểu hữu phú, vô ký, vì không có tâm cùng khởi phát nghiệp. Tâm có tầm tứ năng phát nghiệp biểu. Hai định trở lên, đều không có tâm này.

Há là trước đã nói: Sinh ba địa trên, như cũng được khởi ba thân thức dưới?

Phát tâm nghiệp biểu, sao không khởi? Há là đã nói nương tựa thân của địa trên, dù được hiện tiền, nhưng không lệ thuộc địa kia.

Có thuyết nói: Dựa vào địa khác, thân không phải khởi tâm của địa khác, mà có thể phát biểu của thân, ngữ.

Nếu vậy, thì kinh nói: Một thuở nọ, Đức Thế Tôn lên cõi trời Tịnh cư, chúng chư thiên ở cõi trời đó lễ bái, khen ngợi, cúng dường Đức Thế Tôn.

Kinh này lẽ ra trở thành có lời mà không có nghĩa.

Lại, nghe kinh nói: trời Tịnh cư v.v... đến chỗ Phật khen ngợi, lễ bái và thưa hỏi, nên đọa địa khác, khởi tâm của địa khác, phát thân, ngữ biểu, về lý không có mất. Tuy nhiên, như thân v.v... thức, không phải bị lệ thuộc địa kia.

Lại, phát tâm biểu chỉ do Tu đạo đoạn, hoặc được đoạn do Kiến đạo, vì chuyển biến môn trong, vì trong cõi Dục, quyết định không có hoặc do Tu đạo đoạn hữu phú, vô ký. Thế nên, nghiệp biểu, ba địa trên đều không có, biểu hữu phú, vô ký không có ở cõi Dục, vì chỉ do đẳng khởi, khiến các pháp trở thành tánh thiện, bất thiện v.v....

Không như vậy thì sao?

Do bốn thứ nhân thành tánh thiện v.v...:

1. Do Thắng nghĩa.
2. Do tự tánh.
3. Do tương ứng.
4. Do đẳng khởi.

Pháp nào, tánh nào, do nhân nào thành? Tụng nói:

Thắng nghĩa thiện giải thoát

Tự tánh: tâm quý căn

*Tương ứng, tương ứng kia
Do sắc nghiệp...đẳng khởi
Trái đây, gọi bất thiện
Thắng, vô ký, hai thường.*

Luận nói: Thắng nghĩa Thiện. Nghĩa là chân giải thoát, lấy nghĩa yên ổn, gọi là thiện, nghĩa là trong Niết-bàn, các khổ vắng lặng hẳn, yên ổn cùng cực, giống như không bị bệnh. Đây là do Thắng nghĩa, an đặt tên thiện. Thế nên Niết-bàn gọi là thắng nghĩa Thiện. Hoặc chân giải thoát là thắng, là nghĩa, được gọi là Thắng nghĩa. Thắng nghĩa là tôn quý nhất, không có ai sánh bằng: Về nghĩa, nghĩa là có thể tách chân thật riêng. Đây là biểu thị Niết-bàn không có chi bằng, vì thật có nên gọi Thắng nghĩa.

Thắng nghĩa như thế, yên ổn gọi thiện. Như thế vì Niết-bàn là thiện, thường nên đối với tất cả pháp, thể của Niết bàn là tôn quý nhất, thế nên, nêu lên riêng là Thắng nghĩa thiện.

Thiện tự tánh. Nghĩa là căn hỏ thẹn do trong hữu vi, chỉ hỏ với thẹn và ba thứ thiện căn vô tham v.v... không đợi tương ứng và đẳng khởi khác, thể tánh là thiện, giống như thuốc hay. Tương ứng với Thiện. Nghĩa là tương ứng thiện kia, do tâm, tâm sở, phải tương nưng với thiện căn hỏ thẹn mới thành tánh thiện. Nếu không tương ứng với hỏ thẹn v.v... kia, thì tánh thiện sẽ không thành, như nước và thuốc xen lẫn.

Thiện đẳng khởi. Nghĩa là nghiệp thân, ngũ sinh v.v... và được hai định vô tâm. Do tự tánh này và thiện tương ứng, bình đẳng khởi, nên đặt tên Đẳng khởi, như nước thuốc hay, dẫn sinh do sữa. Do tâm của loại khác, cũng khởi các đặc, như nhân tĩnh lự, đặc tâm quả thông, vì tâm vô ký vượt hơn hiện ở trước, nên được các pháp nhiệm, tâm nhiệm ô hiện ở trước, nên được các pháp thiện. Các pháp này làm sao thành tánh thiện v.v...?

Vì căn cứ ở các pháp kia câu sinh được, nên bí mật nói lên lời này: Không phải tâm loại khác, không làm duyên khởi, nên không có lỗi. dù tâm của loại khác, cũng làm duyên khởi mà thành thiện v.v... không đợi duyên kia. Hoặc lại nhân cùng khởi của các đặc kia, tức vì đợi duyên kia, nên thành tánh thiện v.v... Đặc do đẳng khởi trở thành tánh thiện v.v... khác. Như nói về sự khác nhau của bốn thứ tánh thiện. Bốn thứ bất thiện trái với thiện này?

Hỏi: Trái nhau là gì?

Đáp: Bất thiện thắng nghĩa, nghĩa là pháp sinh tử, do các pháp trong sinh tử, đều lấy khổ làm tự tánh, rất không yên ổn, cũng như bệnh

lâu không chữa khỏi.

Tự tánh bất thiện. Nghĩa là không hổ, không thẹn và ba căn bất thiện: Tham, giận v.v... không đợi tương ứng và Đẳng khởi khác, thể là bất thiện, giống như thuốc độc. Tương ứng bất thiện, nghĩa là tương ứng bất thiện kia do pháp tâm, tâm sở, phải tương ứng với căn bất thiện không hổ, không thẹn, mới thành tánh bất thiện. Khác thì không như vậy, như nước lẫn chất độc.

Bất thiện cùng khởi. Nghĩa là nghiệp thân ngữ sinh v.v... và đắc, do tự tánh tương ứng bất thiện bình đẳng khởi, như nước thuốc độc dẫn sinh do sữa.

Nếu vậy, không có một pháp hữu lậu nào là vô ký, hoặc thiện, vì đều thuộc về sinh tử, nên tất cả đều thuộc về bất thiện?

Mặc dù căn cứ theo thật lý Thắng nghĩa, lẽ ra như vậy, nhưng ở trong đây, nói theo dị thực, thì các pháp hữu lậu, nếu không có khả năng ghi nhận quả dị thực, nghĩa là đặt tên vô ký, ở trong đó, nếu có thể ghi nhận dị thực ái, gọi là thiện. Vô ký hữu vi, pháp thiện hữu lậu, do khởi một ít khổ, cũng như bệnh nhẹ, cũng được gọi là bất thiện thắng nghĩa.

Hỏi: Như thiện, bất thiện đã có thắng nghĩa, cũng có pháp vô ký thắng nghĩa hay không?

Đáp: Cũng có.

Hỏi: Thế là thế nào?

Đáp: Nghĩa là hai pháp thường: Dùng phi trạch diệt và thái hư không, không còn có môn nào khác, chỉ tánh vô ký. Thế nên, lập riêng vô ký thắng nghĩa, không có riêng tự tánh, tương ứng, cùng khởi, không có một tâm sở, chỉ có tánh vô ký, tương ứng khắp với tâm vô ký. Nếu phương tiện lập ba tự tánh v.v... cũng gồm nhiếp không hết, vì vô ký nhiều. Do vô ký này chỉ có hai thứ:

1. Thắng nghĩa.
2. Tự tánh

Vô ký hữu vi thuộc về tự tánh, vì không đợi nhân riêng, để trở thành vô ký. Vô ký, vô vi là thuộc về thắng nghĩa, do tánh là thường, vì không có môn dị.

Nếu sức cùng khởi khiến cho nghiệp thân, ngữ, thành thiện, bất thiện. Nghiệp thân, ngữ này dựa vào đại chủng, so sánh lẽ ra cũng như vậy, vì đều từ một tâm sở cùng khởi?

Vấn nạn này phi lý, vì tâm tác giả vốn muốn khởi nghiệp không phải đại chủng, nghĩa là không có tác giả phát khởi dục lạc ở trong đại chủng: Ta sẽ dẫn phát chủng loại đại chủng như thế hiện tiền. Do đây

làm môn, tâm thiện, ác khởi.

Lại, đời hiện thấy hai nghiệp thân, ngữ, đợi tâm mà sinh, chưa từng thấy có hai nghiệp thân, ngữ lìa tâm mà khởi, nhưng bốn đại chủng vì lìa tâm cũng sinh, nên biết pháp kia không đợi tâm mà khởi.

Lại như mắt v.v... không đợi tâm mà sinh, tánh của nó bèn không có sự khác nhau như thiện v.v....

Như thế, vì đại chủng không đợi tâm sinh, nên về lý, cũng không có sự khác nhau như thiện v.v... cùng khởi.

Nếu vậy, các đặc và tướng sinh v.v... nên không có sự sai khác của thiện cùng khởi v.v... Do không phải vì bản tâm đã muốn khởi, nên trong vị vô tâm cũng hiện khởi?

Vấn nạn này phi lý, vì do thế lực của pháp an lập sự khác nhau thiện v.v... được thành, nghĩa là được bốn pháp nương tựa nhau mà lập, không phải như đại chủng không có chờ đợi tự thành. Trong pháp hữu vi chẳng có một pháp nào không chờ đợi sức tâm mà thành thiện, bất thiện. Thế nên, các đặc và tướng sinh v.v... như pháp bị lệ thuộc, phải do sức tâm thành tánh thiện v.v... về lý khéo thành. Sự sinh đã lìa tâm, thì dù chuyển biến nối tiếp nhau cũng không có lỗi, tức là thế lực của tâm trước dẫn, khiến chuyển biến của tâm kia, thuận theo vô biểu định, sức định v.v... sinh, về lý lẽ ra cũng thành.

Tánh thiện cùng khởi, thiên nhãn, thiên nhĩ, nên thuộc về tánh thiện, vì là tâm sở thiện cùng khởi?

Vấn nạn này phi lý, vì tâm đạo Giải thoát của hai thông kia là vô ký. Vì hai thông kia đều cùng lúc sinh với đạo, nên đi suốt qua vấn nạn này giống với đây, đâu phí sức vất vả!

Như trên đã nói hai nghiệp thân, ngữ do sức đẳng khởi thành thiện, bất thiện. Đẳng khởi có bao nhiêu? Sức của cùng khởi nào khiến nghiệp thân, ngữ thành thiện, bất thiện? Đẳng khởi đối nhau khác nhau ra sao? Tụng nói:

*Đẳng khởi có hai thứ
Nhân và sát-na kia
Như thứ lớp nên biết
Là chuyển, và tùy chuyển
Kiến đoạn, thức chỉ chuyển
Năm thức chỉ tùy chuyển,
Tu đoạn, ý chung hai
Dị thực vô lậu phi
Chuyển thì thuộc tánh thiện*

*Tùy chuyển đều chung ba
Mâu-ni ắt đồng thiện
Vô ký tùy hoặc thiện.*

Luận nói: Đẳng khởi của hai nghiệp thân, ngữ có hai, nghĩa là đẳng khởi nhân, đẳng khởi sát-na.

Vì ở trước làm nhân, nên sát-na kia có. Như thứ lớp, trước nhất gọi là chuyển, thứ hai gọi tùy chuyển, nghĩa là nhân đẳng khởi, khi sắp tạo nghiệp, tư duy như thế này: Nay, ta sẽ tạo nghiệp nên làm như thế, như thế, vì công năng dẫn phát, nên gọi là chuyển. Đẳng khởi sát-na, khi chính thức tạo nghiệp, cùng với tâm trước chuyển dẫn phát nghiệp, vì cùng lúc vận hành, nên nói là tùy chuyển. Nếu không có tùy chuyển, dù có nhân trước, làm công năng dẫn phát mà như vị vô tâm, hoặc như thân chết, biểu lẽ ra không chuyển tùy chuyển. Đối với biểu, có công năng chuyển, vô biểu không dựa vào tùy chuyển mà chuyển, vô tâm cũng có vô biểu chuyển, như trên đã nói: Hoặc do Kiến đạo đoạn, vì chuyển môn trong, nên không thể phát biểu.

Nếu vậy, thì vì sao Bạc-già-phạm nói: Vì tà kiến, nên khiến tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng v.v... Tà kiến này không trái với thức do Kiến đạo đoạn, đối với phát nghiệp biểu, chỉ có công năng làm chuyển, đối với biểu năng khởi, vì làm tư lương trong sinh tâm tử, nên không làm tùy chuyển. Đối với môn ngoài, lúc tâm đang khởi nghiệp, tà kiến này không có. Do đó, nên nói. Tâm do Kiến đạo đoạn làm nhân đẳng khởi, phát nghiệp thân, ngữ, nhất định không thể làm đẳng khởi sát-na, thức do Kiến đạo đoạn, mặc dù hay tư duy, đo lường, nhưng vẫn không có công năng động thân phát ngữ. Tuy nhiên, trong dao động phát một nghiệp biểu, chấp nhận có nhiều tâm tư duy đo lường, động, phát, chỉ một niệm sau đều cùng vận hành với biểu. Khác với đây, biểu lẽ ra không phải tánh sát-na, thức do Kiến đạo đoạn. Mặc dù năng làm chuyển phát nghiệp hữu, biểu, nhưng không phải nghiệp biểu, về sau thức này liền sanh Vô gián, nội môn chuyển tâm, không thể dẫn khởi với biểu thân, ngữ, đều cùng vận hành thức. Nếu khác với đây thì tâm do Kiến đạo đoạn, lẽ ra cũng làm đẳng khởi sát-na đối với nghiệp biểu vì gia hạnh do Tu đạo đoạn, ý thức có công năng Vô gián đã dẫn biểu đều vận hành tâm, cũng cùng với biểu đều hiện hành làm sát-na đẳng khởi, nên Kiến đạo đoạn tuy có khả năng làm nhân dẫn các nghiệp biểu mà là nhân đẳng khởi Tu đạo đoạn tâm không chấp nhận được khởi. Thế nên ở cõi Dục không có nghiệp biểu hữu phú, vô ký. Tuy nhiên, trong Khế kinh, chỉ căn cứ lần lượt làm nhân đẳng khởi, Đức Phật mật ý

nói: Vì do tà kiến nên khởi tà ngữ v.v... A-tỳ-đạt-ma y cứ theo kinh kia, không thể dẫn sinh Vô gián biểu đều vận hành thức, nên đã mật ý nói tâm do Kiến đạo đoạn, vì chuyển biến môn nội, nên không có khả năng phát ra biểu. Thế nên, kinh, luận, về lý không trái nhau.

Lại, Kiến đạo đoạn, nếu phát sắc biểu thì sắc này, sẽ là Kiến đạo đoạn. Sắc không phải Kiến đạo đoạn, đã được thành lập rộng:

Nếu thân năm thức chỉ làm tùy chuyển, vì không có phân biệt, vì khởi môn ngoại, thì ý thức của Tu đạo đoạn, có chung cả hai thứ: Vì có phân biệt, và vì khởi môn ngoại, do đó, nên trở thành bốn luận chứng phân biệt:

1. Có khi chuyển không phải tùy chuyển. Nghĩa là tâm do Kiến đạo đoạn.

2. Có khi tùy chuyển không phải chuyển. Nghĩa là năm thức như nhãn v.v...

3. Có khi chuyển cũng tùy chuyển. Nghĩa là một phần ý thức do Tu đạo đoạn.

4. Có khi không phải chuyển, không phải tùy chuyển. Nghĩa là tất cả thức do tu tạo thành khác, vì tu tạo thành không có phân biệt.

Tuy nhiên nói về dị thực, vô lậu là không phải thì đây có lỗi thái giảm và thái quá, vì tâm định hữu lậu cũng đều không khởi. Các thức dị thực chỉ có thể không phải chuyển, có thể làm tùy chuyển, lý nào có thể ngăn dứt? Tuy nhiên, Kinh chủ nói: Không do gia hạnh, tự nhiên chuyển, nên các thức dị thực không phải chuyển, tùy chuyển.

Có thuyết khác lại nói: Dị thực này chỉ được dẫn do thế lực của nghiệp trước, vì phần vị thôi dứt của tâm khác mới có thể hiện ở trước, nên chẳng phải hai thứ. Nếu dị thực này làm khởi nghiệp biểu thân, ngữ là loại tánh nào? Là dị thực sinh? đường oai nghi? Hay là xứ công xảo? Vả lại, không phải dị thực sinh, vì hiện gia hạnh khởi, nên cũng không phải hai thứ dị thực khác, vì tâm khởi.

Nghĩa lý như thế, chỉ có thể ngăn dứt tâm dị thực sinh làm nhân đẳng khởi, tâm khác làm chuyển đã phát tâm dị thực sinh của nghiệp biểu, vì chuyển biến môn ngoại, nên làm tùy chuyển, trái với lý nào? Vả lại, nếu nghiệp biểu vô tâm không chuyển, thừa nhận nghiệp biểu chuyển, dùng thức dị thực làm nhân tùy chuyển. Điều này có lỗi gì? Lại, chỉ nên nói tâm dị thực sinh, vì thế lực yếu kém, nên không phải nhân đẳng khởi, không nên nói: Không do gia hạnh tự nhiên chuyển. Chớ thiện sinh đắc, cũng không làm nhân phát nghiệp hữu biểu, cũng không phải gia hạnh, tâm tự nhiên chuyển.

Do đó, Kinh chủ có lỗi thêm bớt, nhân lại chẳng phải nhân, người trí phải hiểu rõ. Tánh thức chuyển, tùy chuyển, tất nhiên là đồng phải chăng? Không đúng thì sao?

Nghĩa là chuyển thức trước, nếu là tánh thiện, thì thức tùy chuyển sau, sẽ có cả ba thứ như thiện v.v... bất thiện, vô ký làm chuyển cũng vậy. Chỉ có Mâu-ni tôn với thức chuyển, tùy chuyển phần nhiều là tánh đồng, ít có bất đồng, nghĩa là nếu chuyển tâm thiện, thì tùy chuyển cũng thiện, nếu tâm chuyển vô ký, tùy chuyển cũng như thế, vì ở sát-na liên tục, nhất định không có mê, mà hoặc có vị thiện tùy chuyển vô ký. Không hề có lúc nào vô ký tùy chuyển thiện, vì Phật, Đức Thế Tôn với tâm bình đẳng nói pháp, hoặc thêm lớn, không có cạn hết.

Có bộ khác nói: Chư Phật, Đức Thế Tôn vì thường ở định, nên tâm chỉ là thiện, vì không có tâm vô ký, nên Khế kinh nói:

Na già hành ở định

Na già trụ ở định

Na già ngồi ở định

Na già nằm ở định.

Sư Tỳ-bà-sa giả thích như thế này: Đây là biểu thị rõ ý Phật, tất nhiên chánh tri sinh, cũng không có tâm nào không tùy theo dục khởi ở cảnh không tán loạn, cho nên đặt tên định, không phải Phật, Đức Thế Tôn không có đường oai nghi, thức dị thực sinh và tâm quả thông, khởi các tâm này, về lý không có lỗi.

Đã nói chuyển thiện v.v... tùy chuyển đều có ba. Cứ theo tiêu chuẩn này, đủ trong giải thích làm minh chứng. Các nghiệp được phát ra thành thiện, ác v.v... tùy theo nhân đẳng khởi, không phải tùy theo sát-na. Khác với đây thì tâm thiện khởi phát nghiệp, đã cùng có tâm bất thiện, vô ký, lý nào có thể ngăn dứt trở thành ác, vô ký, thế thì nên có từ tư duy riêng làm nhân, dẫn sinh nghiệp loại tánh riêng.

Như thế, Phật khuyên người muốn làm thiện, lại có nghiệp bất thiện, vô ký sinh, hoặc trái với đây, vì trái với chánh lý, nên nghiệp thành định thiện v.v... nhất định do sức chuyển, không phải do sức tùy chuyển, lý đó khéo thành. Nhưng thuận theo tâm định, các nghiệp vô biểu với một quả tâm cùng khởi, do sức tùy chuyển, tánh thiện được thành. Định thuộc về tâm này, mà được sinh.

Kinh chủ giải thích: Không xem xét biết rõ, lại làm vấn nạn này. Các nghiệp hữu biểu, thành tánh thiện v.v... là như chuyển tâm hay như tùy chuyển?

Hỏi: Nếu như thế, thì sẽ có lỗi gì?

Đáp: Nếu như chuyển, trong cõi Dục, phải có nghiệp biểu hữu phú, vô ký, vì thân kiến, biên kiến, có thể làm chuyển, hoặc nên phân biệt không phải tâm do tất cả thứ Kiến đạo đoạn, đều có thể làm chuyển. Nếu như tùy chuyển vô ký, ác, thì tâm cùng được biểu biệt giải thoát, nên không phải tánh thiện. Gạn hỏi, vấn nạn ở đây, chỉ nên nhọc sức!

Hỏi: Nói ở đây, chưa xem xét là ngụ ý nói gì?

Đáp: Vì khuyên các đại luận sư Đối pháp, khiến nhọc sức hay vì đang tự khuyên? Nếu khuyên các đại luận sư Đối pháp thì Kinh chủ kia ở trong đây đã siêng năng dùng phương tiện khéo tư duy, khéo nói, sao lại khuyên làm gì?

Như họ tự khuyên, tức biết Kinh chủ đối với nghĩa lý này, chưa khổ công, nhọc sức thành lập. Nay, chánh kiến đã sinh, mới có thể tự tỉnh ngộ mà chưa thể hiểu rõ tông chỉ của Đối pháp, may mắn tự tinh tấn, siêng năng, tìm tòi tiêu chuẩn để giải thích lý. Lại nói rằng: Nếu biểu không do sức tâm tùy chuyển thành thiện v.v... ấy, thì không nên nói kinh kia chỉ căn cứ ở nhân đẳng khởi trước, không phải căn cứ ở sát-na, nên trong cõi Dục, nhất định không có nghiệp biểu hữu phú, vô ký. Các đại luận sư kia cho rằng: Biểu của thuyết này trở thành tánh thiện v.v... quyết định, chỉ vì sức đẳng khởi của sát-na, nên hoặc do Kiến đạo đoạn dù làm nhân đẳng khởi, nhưng định cõi Dục không có nghiệp hữu phú, vô ký.

Ở đây, do Kinh chủ không thấu suốt nghĩa ngôn tông của ta, nên nói như thế: Ý thuyết này nói: Nếu hoặc, đối tượng dứt của Kiến đạo, làm đẳng khởi sát-na, đều cùng vận hành với nghiệp, thì không nên cách Tu đạo đoạn, có thể khởi nghiệp biểu, nhân đẳng khởi tâm, tức trong cõi Dục, vì sao không có nghiệp biểu thân, ngữ hữu phú vô ký?

Nhưng hoặc, đối tượng dứt của kiến, còn không thể làm nhân Vô gián, dẫn sinh nghiệp đều cùng vận hành thức, thì đâu thể tự tạo ra đẳng khởi sát-na.

Nói không thể tạo ra đẳng khởi sát-na, là biểu thị, không có khả năng làm nhân gần đẳng khởi, chỉ có thể làm nhân gần đẳng khởi thì, nhân này, tất nhiên có thể làm đẳng khởi sát-na, nên thân kiến, biên kiến dù làm nhân xa, dẫn biểu thân, ngữ, nhưng do thế lực Tu đạo đoạn nhân gần, thành tánh bất thiện.

Thế nên, nói: Kinh kia chỉ căn cứ đẳng khởi của nhân trước, không phải căn cứ ở sát-na, nên trong cõi Dục, nhất định không có nghiệp biểu hữu phú vô ký.

Nếu không như vậy, thì không nên nói, kinh kia chỉ căn cứ ở nhân

đẳng khởi trước. Nói trước là vì biểu thị vì cách nhân gần, phân biệt nhân gần, nên thuyết nói nhân trước. Vì thế, Kinh chủ đã không đạt nghĩa ngôn ở trong đây.

Nói về nghiệp nơi Địa, Giới với luận thêm ngoài đã rồi lại nên nói về tướng của biểu, vô biểu ở trước. Tụng nói:

Vô biểu, ba luật nghi

Bất luật nghi, phi hai.

Luận nói: Nên biết vô biểu lược nói có ba:

1. Luật nghi.
2. Bất luật nghi.
3. Không phải hai: nghĩa là phi luật nghi, phi bất luật nghi.

Khả năng ngăn dứt, có thể diệt giới ác, nối tiếp nhau, nên gọi là luật nghi.

Luật nghi như thế, sự khác nhau có bao nhiêu?

Tụng nói:

Luật nghi biệt giải thoát

Tĩnh lự và đạo sinh.

Luận nói: Sự khác nhau của luật nghi lược có ba thứ:

1. Luật nghi biệt giải thoát, là giới thuộc cõi Dục .
2. Luật nghi tĩnh lự sinh, là giới thuộc cõi Sắc
3. Luật nghi đạo sinh, là giới vô lậu.

Sự khác nhau của tướng luật nghi đầu tiên thế nào? Tụng nói:

Luật nghi đầu tám thứ

Thế thật chỉ có bốn

Vì hình chuyển gọi khác

Đều riêng, không trái nhau.

Luận nói: Sự khác nhau của tướng luật nghi biệt giải thoát có tám:

1. Luật nghi Bí-sô.
 2. Luật nghi Bí-sô ni.
 3. Luật nghi Chánh học.
 4. Luật nghi Cần sách.
- Luật nghi Cần sách nữ.
Luật nghi Ô-ba-sách-ca.
Luật nghi Ô-ba-tư-ca.
Luật nghi Ô-ba-bà-ta.

Sự khác nhau của tám thứ tướng luật nghi như thế, gọi chung là luật nghi Biệt giải thoát thứ nhất.

Trong đây, căn cứ ở Bồ-đặc-già-la có công năng tu lìa hạnh ác và hạnh lìa dục, an lập sự khác nhau của năm luật nghi trước do Bồ-đặc-già-la của loại như thế, cho đến khi chết vì lìa các hành vi: như sát v.v... và vì xa lìa được phi phạm hạnh.

Kế lại dựa vào Bồ-đặc-già-la khả năng tu hạnh lìa ác, không phải hạnh lìa dục, an lập luật nghi khác nhau suốt đời của hai chúng tại gia.

Do Bồ-đặc-già-la của loại như thế, cho đến khi chết, vì lìa được các hành vi ác như Sát v.v... vì không thể xa lìa phi phạm hạnh.

Do đó, trong kinh chỉ nói rằng: Lìa dục, hạnh tà, không có gì, không phạm hạnh. Sau cùng, lại căn cứ ở Bồ-đặc-già-la có khả năng tu không hoàn toàn hai hạnh lìa ác và dục nên an lập luật nghi sai khác một ngày, một đêm của tại gia.

Do Bồ-đặc-già-la của loại như thế, không thể hoàn toàn lìa các dục, hành vi ác, vì khiến họ tập dần đến hoàn toàn lìa hành vi ác và các hành dục, mà phương tiện gìn giữ. Cho nên, dù tên gọi có tám, nhưng thật thể chỉ bốn:

1. Luật nghi Bí-sô.
2. Luật nghi Cần sách.
3. Luật nghi Cận sự.
4. Luật nghi Cận trụ.

Chỉ bốn thứ luật nghi biệt giải này đều có thật thể, vì tướng đều khác nhau. Vì sao? Vì lìa luật nghi Bí-sô, không có luật nghi Bí-sô ni riêng, lìa luật nghi Cần sách, không có Luật nghi Cần sách nữ, Chánh học riêng. Lìa luật nghi Cận sự, không có luật nghi Cận sự nữ riêng.

Hỏi: Làm sao biết như thế?

Đáp: Do sự chuyển đổi hình. Thể dù không xả được, mà tên gọi có khác. Hình, nghĩa là hình tướng, tức căn nam, nữ, do hai căn này, mà hình nam, hình nữ khác nhau. Chỉ do chuyển hình, làm cho các luật nghi gọi là là Bí-sô, Bí-sô-ni v.v... có nghĩa là vị chuyển căn, khiến cho luật nghi Bí-sô gốc, gọi là luật nghi Bí-sô-ni. Hoặc luật nghi Bí-sô ni gọi là luật nghi Bí-sô, khiến cho luật nghi Cần sách gốc, được gọi luật nghi Cần sách nữ. Hoặc luật nghi Cần sách nữ và luật nghi chánh học, được gọi luật nghi Cần sách, khiến cho luật nghi Cận sự gốc, được gọi là luật nghi Cận sự nữ. Hoặc luật nghi Cận sự nữ, được gọi là luật nghi Cận sự.

Không phải vị chuyển căn có xả, được trước, trước được, chưa được nhân duyên luật nghi, nên bốn luật nghi chẳng phải khác với ba thể. Như từ luật nghi Cận sự, thọ luật nghi Cần sách. Lại từ luật nghi

Cần sách thọ luật nghi Bí-sô.

Ba luật nghi này pà do thêm đủ phương tiện xa lìa, đặt tên khác nhau, như mỗi, đồng tiền vàng và năm, mười, hai mươi làm thể đều riêng. Cụ túc sinh tức khắc ba thứ luật nghi, với thể không xen lẫn nhau, tướng chúng đều khác. Cụ túc sinh ngay, trong ba luật nghi, đủ ba lìa sát, mỗi một lìa sát, thể của chúng đều khác. Các giới còn lại, tùy theo đối tượng thích ứng, nên biết cũng như thế. Vì nhân duyên riêng, nên thể không đồng, như như cầu thọ nhiều thứ học xứ. Như thế, như thế, hay lìa nhiều thứ giường, tòa, cao, rộng, thời gian, nơi chốn, buồng lung, uống các thứ rượu v.v... tức lìa rất nhiều duyên khởi sát v.v... Do các xa lìa dựa vào nhân duyên phát, nên nhân duyên xa lìa riêng có khác. Nếu không có việc này, xả luật nghi Bí-sô. Bây giờ, cả ba luật nghi đều xả. Hai luật nghi trước, thâm nhiếp trong một luật nghi sau.

Vì đã không thừa nhận như vậy, nên cả ba đều khác. Nhưng ba thứ này không trái nhau, cùng thời chuyển biến trong một thân, không phải do thọ sau, xả luật nghi trước. Chớ xả giới Bí-sô, ấy là phi cận sự v.v... vì trước đó đã xả hai luật nghi kia.

Nếu có Cần sách thọ luật nghi Cận sự, hoặc có Bí-sô thọ hai thứ giới trước vì thọ có được không?

Có thuyết nói: Điều này không nên vấn nạn, vì nếu trước đã có, không có lý được nữa, vì trước đó đã được. Nếu trước đó chưa có, thì không phải Cần sách, cũng không phải Bí-sô, do trước kia không thọ luật nghi Cận sự, tất nhiên sẽ không có lý thọ được giới Cần sách, nếu trước không thọ giới Cần sách cũng không có lý thọ được giới Bí-sô vậy thì không được lập hai tên gọi kia, do đó, tìm tòi thọ, lẽ ra không được.

Có sư khác nói: Không thọ luật nghi trước tức cũng có lý, có thể thọ được giới sau, nên người trì luật soạn tụng này rằng: Mặc dù lúc trước không thọ giới Cần sách, nhưng hiện nay, chỉ thọ luật nghi Cụ túc, cũng vẫn được gọi là khéo thọ luật nghi Cụ túc.

Do đó Cần sách chấp nhận có thọ được luật nghi Cận sự, Bí-sô chấp nhận có lý thọ được giới Cần sách, Cận sự.

Há là Cần sách không nên tự xưng: Xin nguyện chứng biết con đã là Cận sự. Bí-sô cũng vậy không nên tự xưng: Cứu xin chứng biết con đã có được hai luật nghi trước, không phải nói lìa tự xưng hiệu như thế mà có lý được giới Cận sự, Cần sách?

Vấn nạn này phi lý, vì đều có thể xưng, nghĩa là có thể xưng: Ta là cần sách, cũng là Cận sự, cúi xin chứng biết.

Bí-sô lẽ ra cũng như sự thích ứng mà nói. Nhưng căn cứ ở giới

vượt hơn, để biểu thị hai giới kia cũng không có lỗi.

Nếu vậy, Cần sách và Bí-sô v.v... lẽ ra cũng được thọ luật nghi Cận sự. Như được Cận sự mà thừa nhận, cũng đâu có lỗi, nhưng do thấp kém, nên không ưa thích thọ.

Bốn thứ luật nghi: Cận sự, Cận trụ, Cần sách, Bí-sô, được an lập thế nào? Tụng nói:

*Thọ lia năm, tám, mười
Tất cả chỗ phải lia
Lập Cận sự, Cận trụ,
Cần sách và Bí-sô.*

Luận nói: Nên biết trong đây, như số thứ lớp, căn cứ bốn xa lia để lập bốn luật nghi, nghĩa là thọ lia năm pháp cần phải lia, nhằm kiến lập luật nghi Cận sự thứ nhất. Năm pháp phải lia là:

1. Sát sinh.
2. Không cho mà lấy.
3. Hạnh Dục, tà.
4. Lời nói lừa dối.
5. Uống các thứ rượu.

Nếu thọ tám pháp cần được lia, thì kiến lập luật nghi Cận trụ thứ hai, tám pháp đó là:

1. Sát sinh.
2. Không cho mà lấy.
3. Phi phạm hạnh.
4. Nói lời lừa dối.
5. Uống các thứ rượu.
6. Thoạ, trang sức hương, đeo tràng hoa, ca múa, xem nghe.
7. Nằm ngồi trên giường, ghế cao rộng, đẹp đẽ.
8. Ăn thức ăn phi thời.

Nếu thọ lia mười pháp cần phải lia, thì kiến lập luật nghi Cần sách thứ ba. Mười pháp đó là đối với giới thứ sáu của tám giới trên được chia làm hai, lại thêm giới thọ chứa giữ của báu, vàng, bạc v.v... là giới thứ mười. Vì dẫn dắt hữu tình tại gia lia sợ hãi, yếu hèn, nên có rất nhiều học xứ rõ, để cho chúng dễ vâng giữ, nên ở tám giới, hợp hai làm một. Như Phật vì con của Lật thị, lược nói học xứ có ba: Nếu thọ lia tất cả thì nên lia nghiệp thân, ngữ. Kiến lập luật nghi Bí-sô thứ tư, các tên khác nhau của luật nghi Biệt giải thoát. Tụng nói:

*Cùng được gọi Thi-la
Luật nghi, nghiệp hạnh diệu*

*Chỉ biểu đầu, vô biểu
Gọi biệt giải nghiệp đạo.*

Luận nói: Vì trong mát, nên gọi là Thi-la. Thi-la trong đây, là nghĩa bình trị, nên tự tướng xứ tạo ra cách giải thích này: Trong nghĩa bình trị, đặt để ở giới Thi-la. Vì giới có công năng bình trị nghiệp hiểm nguy, nên được gọi Thi-la. Vì người trí khen ngợi, nên gọi hạnh diệu. Hoặc nhờ tu hành Thi-la này, được quả ái, vì đã tạo tự thể, nên gọi là nghiệp. Dù trong Khế kinh, nói các vô biểu gọi là phi tạo, cũng gọi phi tác, vì có hổ thẹn, thọ sức vô biểu, không tạo tác, mà có nghĩa tác, như trước đã nói, cũng gọi là luật nghi, như trước đã nói.

Như thế, nên biết giới biệt giải thoát, không có tên sai khác, ở cả vị đầu tiên, vị sau, chỉ biểu sơ sát-na và vô biểu, được biệt giải thoát và tên đạo nghiệp, nghĩa là khi thọ giới, đầu tiên biểu, vô biểu, riêng riêng buông xả các thứ ác, nên căn cứ ở nghĩa xả riêng ban đầu để đặt tên biệt giải thoát. Hoặc vì đầu tiên đã nên tu, nên gọi Biệt giải thoát. Hoặc biểu đầu tiên khởi kia, rất có thể vượt qua như đường ác, ngục nguy hiểm, nên gọi Biệt giải thoát, tức biểu sát-na đầu tiên và vô biểu, cũng được gọi là đạo nghiệp căn bản. Đầu tiên vì đề phòng nghiệp sừng tư thân, ngữ, nên từ niệms thứ thứ hai, cho đến chưa xả, không gọi Biệt giải thoát. Gọi luật nghi Biệt giải thoát, không gọi đạo nghiệp, gọi là khởi sau.

Đã nói an lập luật nghi sai khác, sẽ nói về sự khác nhau của sự thành tựu luật nghi. Ai thành tựu luật nghi nào? Tụng nói:

*Tám thành biệt giải thoát
Bậc Thánh, được tĩn lự
Thành tĩn lự đạo sinh
Hai sau, tùy tâm chuyển.*

Luận nói: Tám chúng đều thành tựu luật nghi Biệt giải thoát, nghĩa là từ Bí-sô cho đến Cận trụ. Ngoại đạo không được giới sở thọ phải không? Dù có giới, nhưng không gọi giới biệt giải thoát, vì giới mà họ đã thọ, không có công năng thoát hẳn các nghiệp ác, vì nương tựa, chấp mắc hữu. tĩn lự sinh giới. Nghĩa là luật nghi này, do từ, hoặc vì dựa vào tĩn lự sinh. Nếu người được tĩn lự thì nhất định sẽ thành luật nghi này, quyến thuộc tĩn lự cũng gọi tĩn lự.

Luật nghi đạo sinh, bậc Thánh đều thành tựu. bậc Thánh này lại có hai hạng, là Hữu học và Vô học.

Trong ba luật nghi đã nói ở trước, những luật nghi nào tùy tâm mà chuyển?

Chỉ hai thứ sau, nghĩa là tĩnh lự sinh và Đạo sinh, cả hai không phải biệt giải thoát. Vì sao? Vì khác tâm, không tâm cũng vì hằng chuyển. Hai thứ luật nghi tĩnh lự vô lậu cũng gọi luật nghi đoạn, dựa vào vị nào để kiến lập? Tụng nói:

*Vị chí chín Vô gián
Câu sinh hai gọi đoạn.*

Luận nói: Chín đạo Vô gián trong định Vị chí đều sinh luật nghi vô lậu, tĩnh lự, vì có công năng dứt hẳn dục, triền, giới ác và có công năng khởi hoặc, gọi là luật nghi đoạn, chỉ vì có đối trị đoạn trong định Vị chí. Do đó, chỉ thân nhiếp chín đạo Vô gián, trong đây, vì Thi-la diệt giới ác. Do đó, hoặc có luật nghi tĩnh lự, không phải luật nghi đoạn, nên tạo ra bốn luận chứng:

1. Luận chứng thứ nhất: Luật nghi hữu lậu của chín đạo Vô gián trong định Vị chí, luật nghi hữu lậu của tĩnh lự khác.

2. Luận chứng thứ hai: Luật nghi vô lậu của chín đạo Vô gián, dựa vào định vị chí.

3. Dựa vào luật nghi hữu lậu của chín đạo Vô gián, của định vị chí.

4. Luận chứng thứ tư: Luật nghi vô lậu của chín đạo Vô gián, định Vị chí, tất cả luật nghi vô lậu khác.

Như thế, hoặc có luật nghi hữu lậu không phải luật nghi đoạn, nên tạo ra bốn luận chứng, nghĩa là ngược thứ lớp của bốn luận chứng trước, nên biết.

Nếu vậy, Đức Thế Tôn đã nói lược giới:

*Luật nghi thân, lành thay!
Khéo thay! Luật nghi ngữ
Tốt thay! Luật nghi ý
Hay thay! Luật nghi khắp?*

Lại, Khế kinh nói: Nên khéo bảo vệ, phải khéo an trụ luật nghi nhãn căn. Luật nghi ý căn lấy gì làm tự tánh? Hai tự tánh này không phải vô biểu sắc?

Nếu vậy, thì sao? Tụng nói:

*Chánh tri, chánh niệm hợp
Gọi luật nghi ý căn.*

Luận nói: Luật nghi ý căn, mỗi mỗi đều dùng chánh tri, chánh niệm hợp thành tự thể, nên Khế kinh nói: Mắt thấy sắc rồi không mừng, không lo, thường an trụ xả chánh tri, chánh niệm. Như thế, cho đến ý biết rõ pháp rồi liệt kê tên riêng rồi nói lặp lại, hợp nói ngăn dứt, nghĩa

là hai luật nghi, như thứ lớp hai làm thế.

Nay nên tư duy, lựa chọn biểu và vô biểu. Ai thành tựu? Ngang bằng đâu? Vào thời gian nào? Vả lại, nói thành luật nghi vô biểu, bất luật nghi. Tụng nói:

*Trụ biệt giải vô biểu
Chưa xả, thường thành hiện
Sát-na thành quá khứ
Bất luật nghi cũng vậy
Được luật nghi tĩnh lự
Thành quá khứ, vị lai
Thánh, đầu trừ quá khứ
Trụ đạo định thành giữa.*

Luận nói: Trụ biệt giải thoát, Bồ-đặc-già-la, từ sát-na đầu tiên, cho đến chưa gặp xả học xứ v.v... các duyên xả giới thường thành ở hiện đời.

Vô biểu luật nghi Biệt giải thoát này, sau sát-na đầu tiên, cũng trở thành quá khứ. Trước kia, chưa xả, nói truyền khắp đến sau. Đời trước, đã được giới Biệt giải thoát, đến nay, thọ giới trong sát-na đầu tiên, như luật nghi tĩnh lự, sao không thành quá khứ?

Vấn nạn này phi lý. Vì giới này và tâm không phải đồng quả, vì lìa tâm nhiễm v.v... đều đồng một quả. Giới kia như tâm được quá khứ sinh. Lại, vì biệt giải thoát chưa từng được, nên như luật nghi tĩnh lự của phẩm vượt hơn, chẳng phải trong sát-na đầu tiên, được quá khứ sinh, nghĩa là như nói an trụ luật nghi biệt giải thoát, còn trụ bất luật nghi, nên biết cũng vậy, nghĩa là từ niệm đầu tiên, cho đến khi chưa gặp duyên xả giới ác, thọ luật nghi v.v... thường thành vô biểu của giới ác hiện đời. Sau sát-na đầu tiên, cũng thành quá khứ. Các hữu đạt được tĩnh lự luật nghi cho đến chưa xả, thường thành quá khứ, vị lai. Luật nghi của định quá khứ sinh trước đã mất, nay sát-na đầu tiên tất nhiên lại được. Trong đây, nên nói một cách phân biệt, do luật nghi định thuộc về thuận với phần quyết trạch, không thành quá khứ trong sát-na đầu tiên, chỗ đắc do sinh khác, khi chết liền, xả. Đời nay, không chấp nhận được lại luật nghi kia.

Lại, chẳng phải tất cả hữu tình đã từng khởi có pháp Niết-bàn ấy, mới có thể có luật nghi kia. Luật nghi vô lậu của tất cả bậc Thánh quá khứ, vị lai cũng thường thành tựu. Có sự khác nhau. Nghĩa là sát-na đầu tiên, tất nhiên sẽ thành vị lai, không phải thành quá khứ. Vì Thánh đạo của loại này trước kia chưa khởi, nên xưa chưa hề được, nay tạo lập

được, gọi là đầu tiên. Trước được đã mất. Nay, khi sáng lập được, cũng được quá khứ.

Đã từng sinh. Nghĩa là sau sát-na đầu tiên, cho đến khi chưa xả luật nghi, cũng thành quá khứ, cho đến địa vị chưa nhập vô dư y, luôn thành vị lai. Nếu có tính lự hiện trụ, thì đạo kia như thứ lớp luật nghi của đạo tính lự hiện tại, chẳng phải khi xuất quán có thành hiện tại, về lý nên chỉ nói khi ở đạo định, thành vô biểu của đạo định, ở đời hiện tại. Không nên nói trụ, như nói trụ quả, chỉ nói quả thành, không phải quả hiện khởi. Nay, chỉ nói trụ, làm sao biết được đạo định hiện ở trước, không phải chỉ thành tựu. Thế nên thuyết kia vẫn khiến sanh nghi, vì không thể nhất định biểu thị trở thành hiện vô biểu, nên thuyết chỉ nói ở đạo định. Mặc dù thuyết nói trụ nhọc nhằn mà vô dụng. Nay, xác định rõ ý thuyết kia với văn trước đã nói thành tựu quá khứ, vị lai. Câu này xác minh thích đáng đời giữa thành tựu, nên biết nói trụ làm sáng tỏ khởi, không phải thành, vì không phải chỉ thành mà chứng cho thành hiện tại, vì vô biểu của đạo định tùy tâm chuyển, nên tâm tán hiện tiền, tất nhiên sẽ không có đạo kia.

Đã nói an trụ luật nghi thiện, ác. Trong trụ giữa thế nào? Tụng nói:

Có vô biểu trong trụ

Trước thành giữa, sau hai.

Luận nói: Nói trụ ở giữa, là phi luật nghi, phi bất luật nghi. Nghiệp đã khởi kia, không phải tất cả đều có vô biểu. Nếu có vô biểu tức là giới thiện, hoặc là thuộc về chủng loại của giới ác. Hoặc chẳng phải hai loại, mà sát-na đầu tiên kia chỉ thành đời giữa, nghĩa là thành hiện tại, đây là ở giữa quá khứ, vị lai, nên từ sau sát-na đầu tiên chưa xả đến nay, thường thành vô biểu của hai đời quá quá khứ, hiện tại tại.

Nếu có an trụ luật nghi, bất luật nghi, cũng có khi thành vô biểu thiện ác hay không? Nếu có thành, nghĩa là trải qua bao nhiêu thời gian? Tụng nói:

Trụ luật, bất luật nghi

Khởi vô biểu nhiễm, tịnh

Đầu thành giữa, sau hai

Đến sạch hết nhiễm, tịnh.

Luận nói: Nếu trụ luật nghi do phiền não vượt hơn, gây ra các nghiệp bất thiện như: Sát, ràng buộc. Do đó, bèn phát vô biểu bất thiện. Trụ bất luật nghi, do niềm tin thuần tịnh, làm các nghiệp thiện như: Lễ Phật v.v... Do đó, cũng phát các thiện vô biểu, cho đến hai tâm này

chưa dứt. Về sau, đã phát vô biểu thường nối tiếp nhau. Nhưng ở niệm ban đầu kia chỉ thành hiện tại. Niệm thứ hai đồng có ở cả quá quá khứ, hiện tại tại.

Đã nói thành vô biểu, thành nghiệp biểu ra sao? Tụng nói:

Biểu chánh tạo thành giữa

Sau thành quá phi vị

Hữu phú và vô phú

Chỉ thành tựu hiện tại.

Luận nói: Tất cả an trụ luật, bất luật nghi. Và trụ ở giữa cho đến chính thức tạo ra các nghiệp biểu đến nay, thường trở thành hiện biểu. Từ sau sát-na đầu tiên, đến khi chưa xả luật nghi về sau thường trở thành quá khứ, tất nhiên không có thành tựu.

Biểu vị lai, là không tùy theo sắc tâm, vì thế lực yếu kém, nên các vô biểu tán cũng đồng với cách giải thích này. Hai hữu phú, vô phú và biểu vô ký, nhất định không có công năng thành tựu quá khứ, vị lai, vì sức của pháp yếu kém, chỉ dẫn khởi pháp cùng vận hành đặc, vì sức đặc yếu kém, nên không thể dẫn sinh tự loại nối tiếp nhau. Pháp nào diệt rồi, theo đuổi đặc, nói là thành cũng không có công năng ngược với đặc pháp vị lai.

Há là biểu này, như tâm, chủ thể khởi, lẽ ra cũng có thành đời quá khứ, vị lai, nghĩa là sắc biểu này yếu kém, do tâm kia yếu kém?

Vấn nạn này phi lý, vì đối tượng khởi kém thua so với tâm, chủ thể khởi. Vì sao? Vì như tâm vô ký phát ra có công năng nghiệp biểu. Nghiệp biểu đã phát không sinh vô biểu, nên biết đối tượng khởi thua kém tâm, chủ thể khởi.

Như danh từ luật nghi đã có khác nhau, tên hiệu bất luật nghi cũng có khác nhau ư?

Cũng có?

Thế là thế nào? Tụng nói:

Hành ác, nghiệp giới ác

Nghiệp đạo bất luật nghi.

Luận nói: Tên khác của năm thứ hành v.v... ác này là sự khác nhau của tên bất luật nghi, bị các người trí quở trách, nhằm chán, vì quả phi ái, nên đặt tên là hạnh ác. Vì chương ngại tịnh Thi-la, nên gọi là giới ác, vì được tạo do thân, ngữ, nên gọi là nghiệp. Tư nghiệp năng thứ sùng thuộc về căn bản. Vì con đường mà nghiệp đã đi, nên gọi nghiệp đạo. Thân, ngữ không vắng lặng, gọi là bất luật nghi. Nhưng tên đạo nghiệp, chỉ gọi niệm đầu tiên, chung cho phần vị trước, sau, lập bốn tên

khác.

Nay, nên tư duy, lựa chọn.

Nếu thành tựu biểu, cũng là vô biểu ư?

Nên tạo ra bốn luận chứng. Tụng nói:

Thành biểu không vô biểu

Trụ giữa kém, tư tác

Xả chưa sinh, biểu Thánh

Thành vô biểu, phi biểu.

Luận nói: Chỉ thành tựu biểu chẳng phải vô biểu, nghĩa là trụ phi

luật nghi, phi bất luật nghi. Thiện kém, tư duy ác, tạo thiện, tạo ác, hai nghiệp thân, ngữ, chỉ có thể phát biểu. Thiện, ác này còn không thể phát nghiệp vô biểu, hướng chỉ các tư vô ký mà phát ra biểu, trừ khi dựa vào phước và thành đạo nghiệp. Người kia dù tư duy kém khởi, nhưng vì cũng phát vô biểu, nên chỉ thành vô biểu.

Không phải nghiệp biểu. Nghĩa là phàm phu, Thánh, Bồ-đặc-già- la, nay, biểu chưa sinh, trước sinh, đã xả.

Há là phàm phu đã được tính lự. Nay, biểu chưa sinh, trước sinh rồi mất, cũng trở thành vô biểu, không phải nghiệp biểu ư? Vì sao trong bài tụng chỉ nêu ở Thánh, không nêu người phàm phu.

Về lý, cũng có thể như vậy.

Vì sao trong giải thích, nêu lên phàm phu, đều cùng trở thành không phải luận chứng?

Như lý, nên tư duy.

